FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,800
SL cổ phiếu LH	3,995,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	5.3
EPS	1,901

	YTD	1T	3T	6T
VLA	-4.8%	-11.5%	-20.0%	-4.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

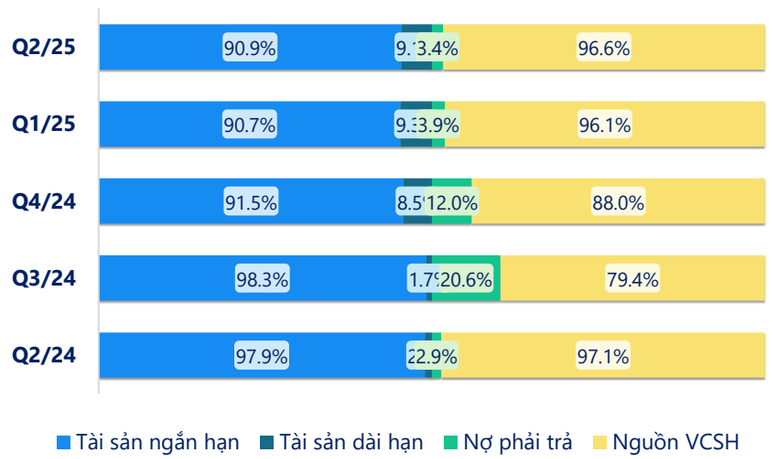

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

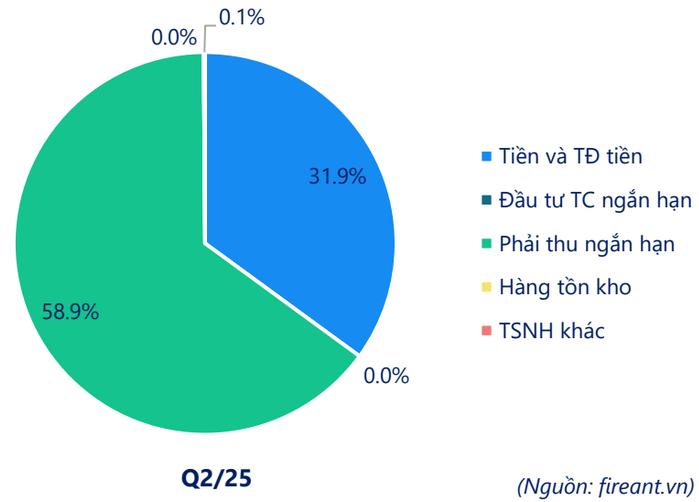

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

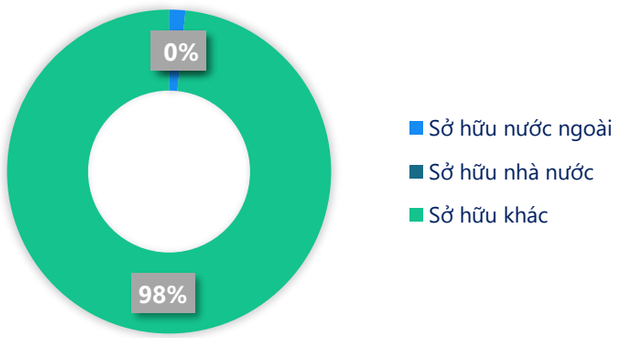

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

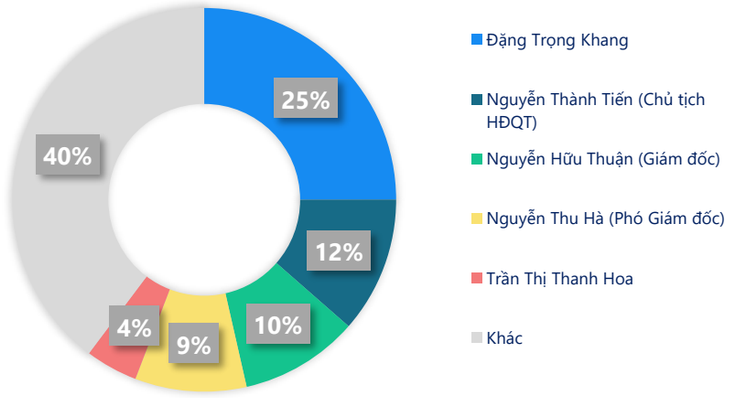

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

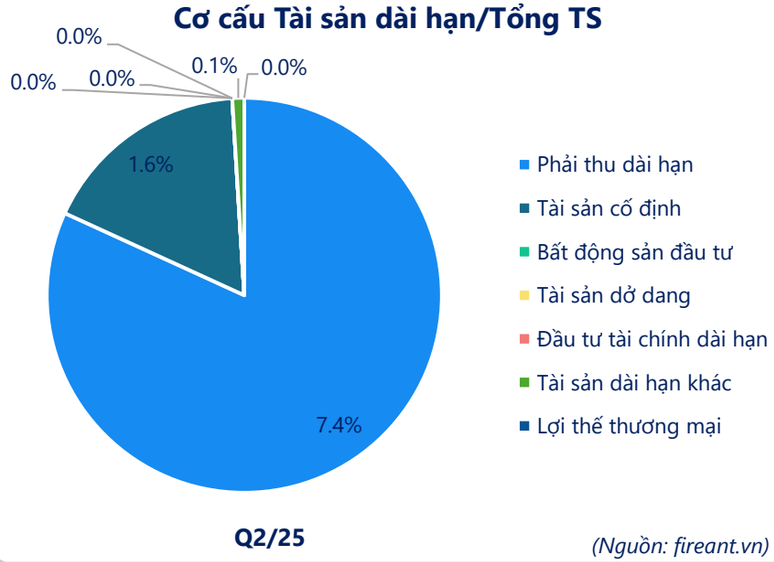

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Tiền và tương đương tiền

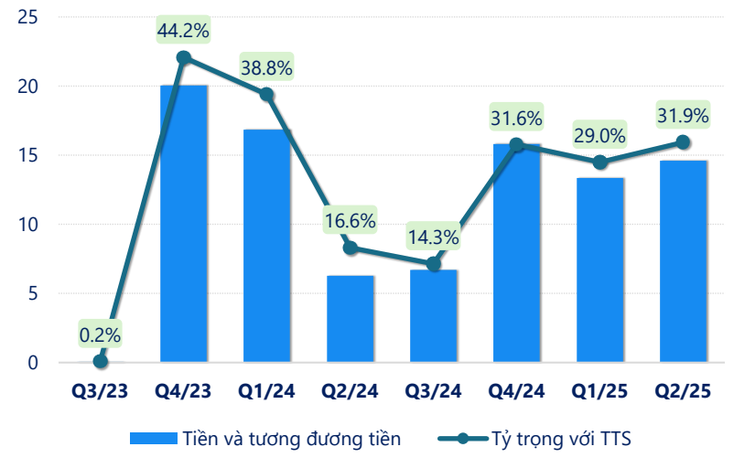

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

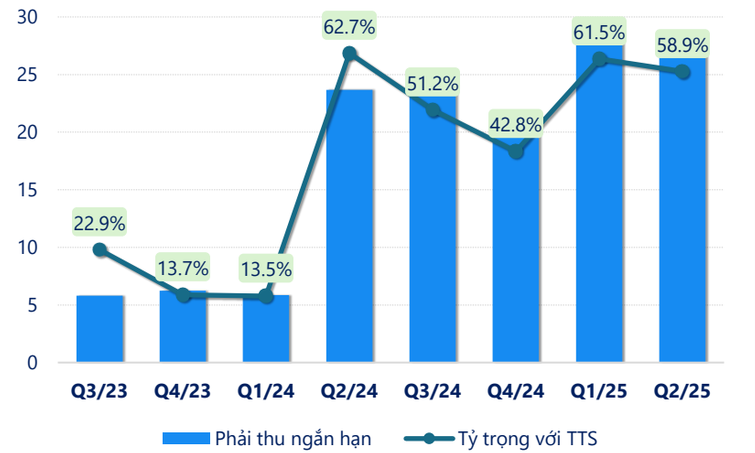

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

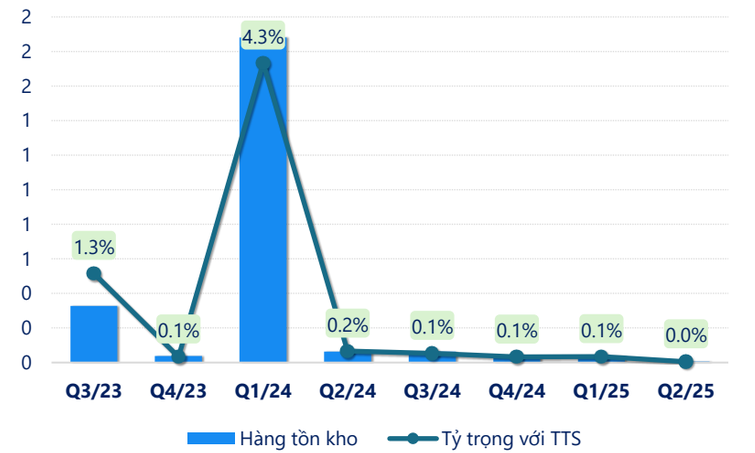

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

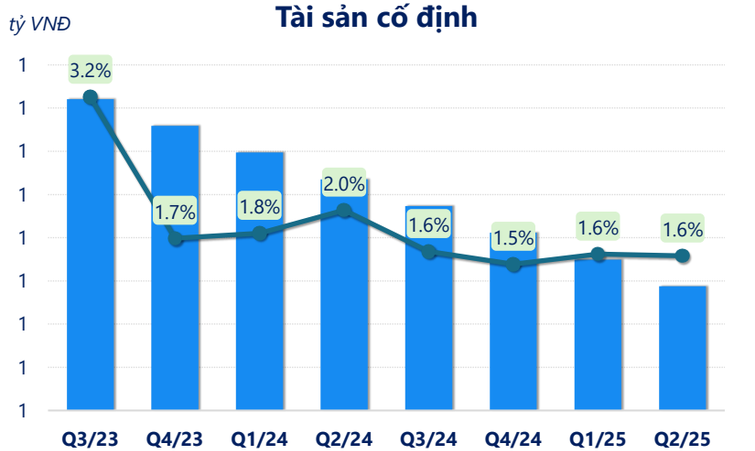

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

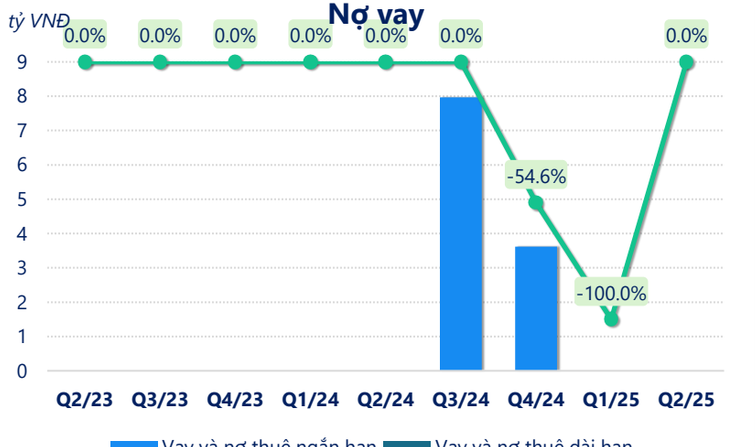

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

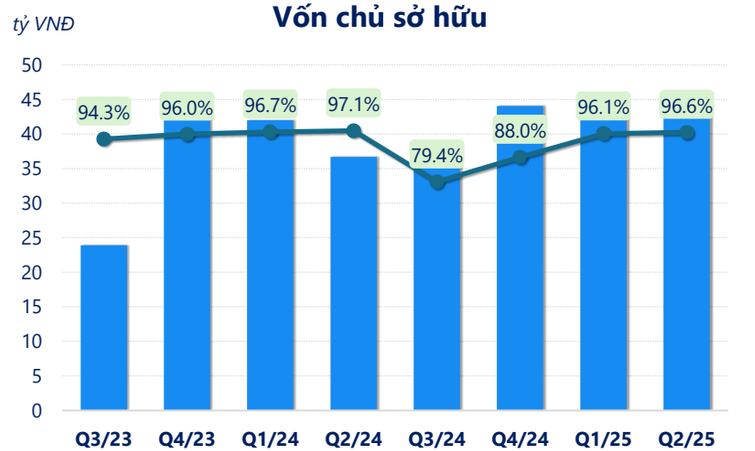

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Kết quả kinh doanh

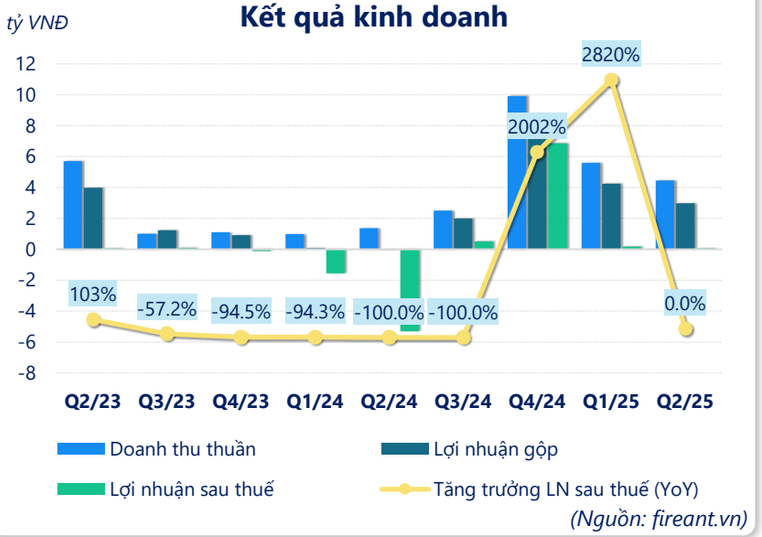

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

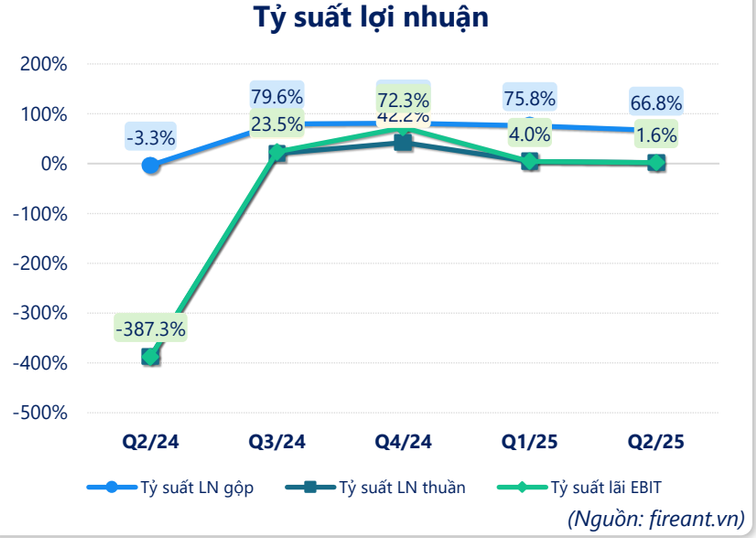

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

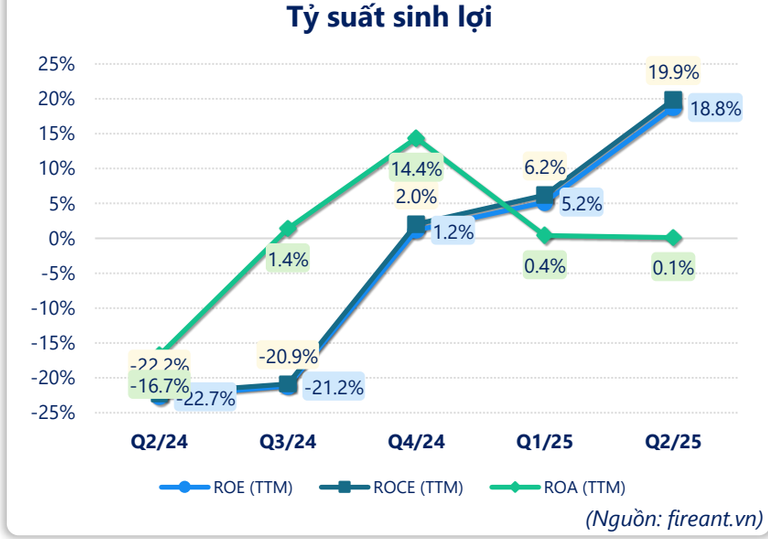

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

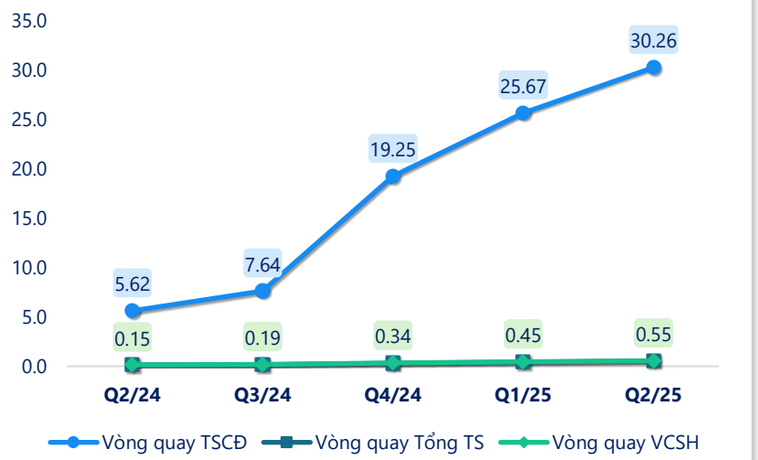

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

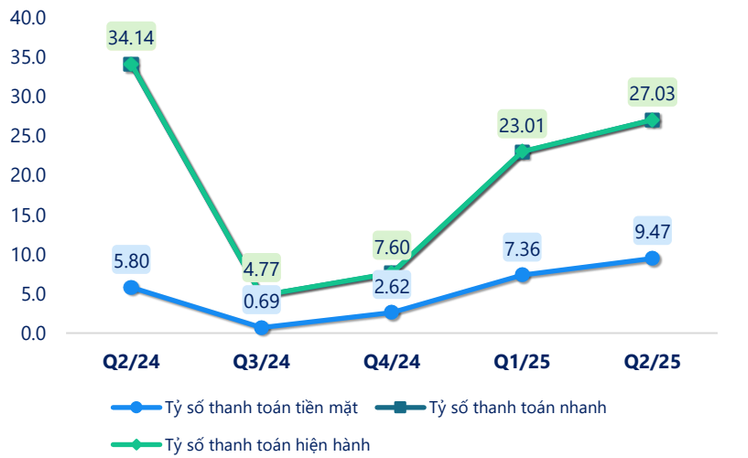

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

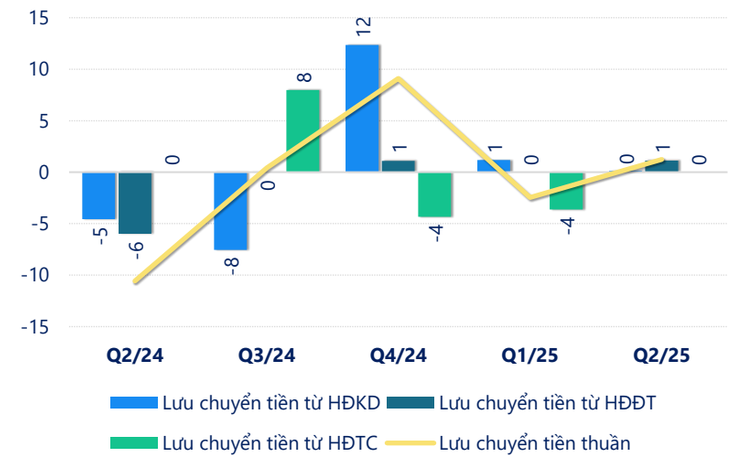

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**45.8**	**50.1**	**-8.5%**
Tài sản ngắn hạn	41.7	45.8	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	14.6	15.8	-7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	8.55	-100%
Phải thu ngắn hạn	27.0	21.4	26.1%
Hàng tồn kho	0.01	0.04	-86.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.03	44.7%
Tài sản dài hạn	**4.17**	**4.25**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	3.41	3.45	-1.0%
Tài sản cố định	0.72	0.74	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0.05**	**-22.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.54	6.02	-74.4%
Nợ ngắn hạn	**1.54**	**6.02**	**-74.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.59	0.94	-37.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**44.3**	**44.1**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**44.3**	**44.1**	**0.5%**
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1.37	2.50	9.91	5.60	4.46
Giá vốn hàng bán	1.41	0.51	1.87	1.35	1.48
Lợi nhuận gộp	-0.04	1.99	8.04	4.25	2.98
Doanh thu HĐTC	0.06	0.84	0.95	0.60	0.76
Chi phí TC	0.05	0.44	0.75	-0.43	0
Chi phí lãi vay	0	0.08	0.09	0	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.42	1.34	3.44	4.39	3.11
Chi phí QLDN	0.84	0.54	0.61	0.65	0.55
LN thuần từ HĐKD	-5.29	0.50	4.18	0.23	0.08
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	2.89	0.00	-0.01
LN trước thuế	-5.30	0.50	7.07	0.23	0.07
Lợi nhuận sau thuế	-5.30	0.50	6.86	0.18	0.05
LNST của CĐ cty mẹ	-5.30	0.50	6.86	0.18	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.57	-7.54	12.3	1.17	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.99	-0.01	1.11	0	1.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	7.97	-4.35	-3.62	0
Tiền đầu kỳ	16.9	6.29	6.71	15.8	13.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.6**	**0.42**	**9.10**	**-2.45**	**1.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.29	6.71	15.8	13.4	14.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic